

TRƯỜNG ĐẠI HỌC DUY TÂN
KHOA XÂY DỰNG

SỐ LIỆU BTVN MÔN: KẾT CẤU THÉP - CIE378

LỚP HỌC PHẦN: CIE 378A

GV HƯỚNG DẪN : Ths. PHẠM VIỆT HIẾU

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN	NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI q_s^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
					B (m)	L (m)			
1	1821175257	Bùi Tuấn Anh	8/3/1993	CIE378A	7,5	10,5	16,5	CCT34	N42
2	2021625002	Đỗ Thành Chung	25/02/1994	CIE378A	8,0	11,0	17,0	CCT34	N42
3	1921628156	Hồ Công Cường	2/4/1995	CIE378A	5,0	11,5	17,5	CCT34	N42
4	1821626009	Mai Văn Đắc	13/05/1993	CIE378A	5,5	12,0	18,0	CCT34	N42
5	172217146	Phạm Bảo Đại	17/04/1993	CIE378A	6,0	12,5	18,5	CCT34	N42
6	2021618026	Võ Tấn Đạo	1/1/1996	CIE378A	6,5	13,0	19,0	CCT38	N42
7	2021610722	Nguyễn Thành Đạt	1/1/1996	CIE378A	7,0	10,5	19,5	CCT38	N42
8	1921623476	Huỳnh Quang Đức	19/06/1995	CIE378A	7,5	11,0	15,0	CCT38	N42
9	2021616426	Đàm Văn Đức	14/09/1996	CIE378A	8,0	11,5	15,5	CCT38	N42
10	2021617050	Nguyễn Anh Đức	13/08/1995	CIE378A	5,0	12,0	16,0	CCT38	N42
11	1821623836	Phạm Duy	7/3/1994	CIE378A	5,5	12,5	16,5	CCT42	N42
12	1921613368	Lê Công Hậu	2/5/1994	CIE378A	6,0	13,0	17,0	CCT42	N42
13	2021628296	Võ Thế Hiền	6/9/1993	CIE378A	6,5	10,0	17,5	CCT42	N42
14	2021626131	Nguyễn Tân Hiếu	18/09/1995	CIE378A	7,0	10,5	18,0	CCT42	N42
15	1821415215	Trần Trung Hoài	10/2/1993	CIE378A	7,5	11,0	18,5	CCT42	N42
16	162223383	Phạm Xuân Hoàng	5/2/1991	CIE378A	8,0	11,5	19,0	CCT34	N46
17	1921613331	Đặng Minh Hợp	3/1/1995	CIE378A	5,0	12,0	19,5	CCT34	N46
18	2021515729	Trương Văn Hùng	24/02/1996	CIE378A	5,5	12,5	15,0	CCT34	N46
19	2021625047	Trần Đăng Hữu	31/05/1996	CIE378A	6,0	13,0	15,5	CCT34	N46
20	1821624059	Lê Minh Huy	29/05/1994	CIE378A	6,5	10,0	16,0	CCT34	N46
21	1920715799	Lê Quốc Huy	12/3/1995	CIE378A	7,0	10,5	16,5	CCT38	N46
22	1921623030	Hà Quang Huy	15/10/1995	CIE378A	7,5	11,0	17,0	CCT38	N46
23	1820414091	Nguyễn Thanh Huyền	12/12/1994	CIE378A	5,0	13,0	17,5	CCT38	N46
24	2021418450	Tô Duy Khánh	30/07/1996	CIE378A	5,5	10,0	18,0	CCT38	N46
25	1921258461	Nguyễn Lệnh	20/11/1994	CIE378A	6,0	10,5	18,5	CCT38	N46
26	1821614026	Ngô Nhật Linh	20/06/1994	CIE378A	6,5	11,0	19,0	CCT42	N46
27	1921619092	Kiều Văn Linh	4/9/1995	CIE378A	7,0	11,5	19,5	CCT42	N46
28	1921610979	Lê Hoàng Long	1/10/1995	CIE378A	7,5	12,0	15,0	CCT42	N46
29	1921612645	Võ Thanh Long	11/1/1995	CIE378A	8,0	12,5	15,5	CCT42	N46
30	2020614108	Phan Tuấn Long	28/02/1996	CIE378A	5,0	13,0	16,0	CCT42	N46
31	2021616225	Lê Hoàng Long	3/3/1995	CIE378A	5,5	10,0	16,5	CCT34	N42
32	1921623513	Vũ Văn Nam	3/11/1995	CIE378A	6,0	11,5	17,0	CCT34	N42
33	2020618193	Trần Thị Quỳnh Nga	20/03/1996	CIE378A	6,5	12,0	17,5	CCT34	N42
34	172237448	Nguyễn Bá Nguyên	10/1/1992	CIE378A	7,0	12,5	18,0	CCT34	N42
35	2021613646	Nguyễn Nhật Nguyên	8/3/1996	CIE378A	7,5	13,0	18,5	CCT34	N42
36	2021614441	Trương Thành Nhân	16/04/1996	CIE378A	8,0	10,5	19,0	CCT38	N42
37	1921413638	Nguyễn Xuân Nhật	12/2/1994	CIE378A	5,0	11,0	19,5	CCT38	N42
38	1921613324	Đỗ Phương Phát	3/2/1995	CIE378A	5,5	11,5	15,0	CCT38	N42
39	152232962	Phan Văn Phúc	17/06/1986	CIE378A	6,0	12,0	15,5	CCT38	N42
40	1921644977	Nguyễn Văn Phúc	6/8/1995	CIE378A	6,5	12,5	16,0	CCT38	N42
41	2021644769	Nguyễn Hữu Quang	14/12/1995	CIE378A	7,0	13,0	16,5	CCT42	N42
42	171216324	Lê Thái Quý	14/10/1993	CIE378A	7,5	10,0	17,0	CCT42	N42
43	172237472	Lê Ngọc Sơn	14/06/1993	CIE378A	8,0	10,5	17,5	CCT42	N42
44	1921613377	Huỳnh Lê Tấn Tài	25/10/1994	CIE378A	5,0	11,0	18,0	CCT42	N42
45	1921613460	Võ Thiên Tâm	13/03/1994	CIE378A	5,5	11,5	18,5	CCT42	N42
46	1821415653	Hoàng Công Thanh	23/06/1991	CIE378A	6,0	12,0	19,0	CCT34	N42
47	152233055	Bùi Chí Thành	8/11/1991	CIE378A	6,5	12,5	19,5	CCT34	N42
48	1921628865	Nguyễn Quý Thành	12/4/1993	CIE378A	7,0	13,0	15,0	CCT34	N42
49	2020624708	Phan Lê Công Thành	1/1/1996	CIE378A	7,5	10,0	15,5	CCT34	N42
50	2021614676	Dương Trường Thành	20/11/1996	CIE378A	5,0	10,5	16,0	CCT34	N42

STT	MÃ SỐ SV	HỌ VÀ TÊN		NGÀY SINH	LỚP HỌC PHẦN	KÍCH THƯỚC		HOẠT TẢI q_s^{tc} (kN/m ²)	MÁC THÉP	QUE HÀN
						B (m)	L (m)			
51	2021627589	Hoàng Minh	Thành	18/02/1996	CIE378A	5,5	11,0	16,5	CCT38	N42
52	1921618142	Lê Phú	Thịnh	29/08/1993	CIE378A	6,0	13,0	17,0	CCT38	N42
53	1921619163	Trần Văn	Thời	1/1/1991	CIE378A	6,5	10,0	17,5	CCT38	N42
54	2021615574	Nguyễn Văn	Thương	16/06/1995	CIE378A	7,0	10,5	18,0	CCT38	N42
55	1921613355	Đình Sơn	Tiên	14/03/1995	CIE378A	7,5	11,0	18,5	CCT38	N42
56	2021624796	Đỗ Quang	Tiến	29/01/1996	CIE378A	8,0	11,5	19,0	CCT42	N42
57	172217298	Lê Hữu Minh	Tin	14/11/1993	CIE378A	8,0	12,0	19,5	CCT42	N42
58	1821625645	Nguyễn Minh	Tín	24/10/1994	CIE378A	5,0	11,5	15,0	CCT42	N42
59	1921613375	Nguyễn Minh	Toàn	11/9/1994	CIE378A	5,5	12,0	15,5	CCT42	N42
60	1921618145	Trần Duy	Toàn	2/9/1995	CIE378A	6,0	12,5	16,0	CCT42	N42
61	1821613832	Trần Anh	Tôn	10/1/1993	CIE378A	6,5	13,0	16,5	CCT34	N46
62	2011617171	Trần Minh	Triết	19/09/1995	CIE378A	7,0	10,0	17,0	CCT34	N46
63	1921613456	Nguyễn Văn	Trọng	1/6/1993	CIE378A	7,5	10,5	17,5	CCT34	N46
64	2021616620	Đàm Đức	Trọng	5/11/1994	CIE378A	8,0	11,0	18,0	CCT34	N46
65	1821625192	Mai Xuân	Trường	1/1/1994	CIE378A	5,0	10,0	18,5	CCT34	N46
66	2021618324	Lương Văn	Tuấn	4/12/1996	CIE378A	5,5	12,5	19,0	CCT38	N46
67	2021616909	Lê Sinh	Tường	3/10/1995	CIE378A	6,0	13,0	19,5	CCT38	N46
68	1821413533	Phạm Hoàng	Việt	31/03/1990	CIE378A	6,5	10,0	15,0	CCT38	N46
69	2021628083	Lê Hoàng	Vũ	15/08/1996	CIE378A	7,0	10,5	15,5	CCT38	N46
					CIE378A	7,5	11,0	16,0	CCT38	N46